

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững
giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2879/QĐ-BNN-TCLN ngày 29/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

Phát triển ngành lâm nghiệp của tỉnh thực sự trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả và sức cạnh tranh cao, liên kết theo chuỗi từ phát triển rừng, bảo vệ rừng, sử dụng rừng đến chế biến và thương mại lâm sản; quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích rừng và diện tích đất quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp; phát huy tiềm năng, vai trò và tác dụng của rừng để đóng góp ngày càng quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội; góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu tác động tiêu cực do thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ, lưu giữ các-bon từ rừng; góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu đến năm 2025

a) Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có và diện tích rừng được tạo mới trong giai đoạn 2021 - 2025; góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh 43%; tiếp tục nâng cao năng suất, chất lượng rừng, đáp ứng

yêu cầu về cung cấp nguyên liệu cho sản xuất và tiêu dùng, phòng hộ và bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động tiêu cực do thiên tai, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Góp phần đưa tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông nghiệp của tỉnh đạt bình quân từ 2,8 - 3,3%/năm¹.

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

a) Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, đặc biệt là đối với 288.564 ha diện tích rừng tự nhiên², đưa vào khoán bảo vệ rừng 686.480 lượt ha (bình quân khoảng 137.296 ha/năm)³; đảm bảo cơ cấu 3 loại rừng hợp lý (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất); thực hiện hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; 100% diện tích rừng của các Ban Quản lý rừng đặc dụng, Ban Quản lý rừng phòng hộ và các chủ rừng là tổ chức thuộc các thành phần kinh tế được quản lý hiệu quả.

b) Thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học trên lâm phận 02 Khu Bảo tồn thiên nhiên Núi Ông và Tà Kóu.

2. Phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng

a) Đối với rừng tự nhiên: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 26.023 lượt ha (bình quân khoảng 5.205 ha/năm). Thực hiện hiệu quả các biện pháp kỹ thuật lâm sinh để nuôi dưỡng và làm giàu rừng tự nhiên.

b) Đối với rừng trồng: Trồng rừng tập trung 9.011 ha (bình quân khoảng 1.802 ha/năm, gồm: Rừng phòng hộ 182 ha/năm, rừng đặc dụng 150 ha/năm và rừng sản xuất 1.470 ha/năm, trong đó 2% diện tích là trồng rừng gỗ lớn). Đẩy mạnh trồng và phục hồi rừng tại các khu vực phòng hộ, đầu nguồn, nơi có nguy cơ sạt lở và đất đồi núi chưa sử dụng.

Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng: Đến năm 2025 năng suất rừng trồng đạt bình quân 20 m³/ha/năm. Trồng bổ sung, phục hồi nâng cấp 2.705 ha rừng trồng.

c) Phát triển lâm sản ngoài gỗ: Phát triển mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng gắn với bảo vệ phát triển rừng.

3. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng đối với rừng sản xuất là rừng trồng

Tổ chức quản lý, khai thác hiệu quả bền vững đối với 100% diện tích

¹ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Thuận (khóa XIV) về phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, bền vững, có giá trị tăng cao.

² Theo Quyết định số 2860/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2021.

³ Theo Dự án Quản lý rừng bền vững đã được lấy ý kiến của các cơ quan chức năng và thẩm định ngày 06/12/2021.

rừng sản xuất là rừng trồng; trong đó, đến năm 2025, diện tích rừng trồng có chúng chỉ quản lý rừng bền vững đạt khoảng 9.500 ha⁴.

III. CÁC NỘI DUNG ƯU TIÊN

1. Bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng ven biển

a) Đầu tư bảo vệ và phát triển bền vững đối với diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên hiện có, thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án về bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng.

b) Đầu tư khôi phục, phát triển hệ thống rừng phòng hộ nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển.

c) Đầu tư trang thiết bị bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng, xây dựng kết cấu hạ tầng bảo vệ rừng, bảo tồn, phát triển rừng tại các Ban Quản lý rừng, đảm bảo đủ điều kiện cho các hoạt động thường xuyên, cho công tác tuần tra bảo vệ rừng. Hỗ trợ xây dựng đường lâm nghiệp cho các đơn vị, địa phương có vùng nguyên liệu tập trung, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

d) Phối hợp tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng; xây dựng, hoàn thiện, vận hành hệ thống giám sát rừng tự động phát hiện cháy rừng; ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quản lý, điều tra, kiểm kê, giám sát diễn biến tài nguyên rừng.

2. Phát triển giống cây lâm nghiệp, trồng rừng gỗ lớn

a) Đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển giống cây lâm nghiệp và lâm sản ngoài gỗ.

b) Hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, rừng chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn.

3. Phát triển lâm sản ngoài gỗ

a) Hỗ trợ phát triển lâm sản ngoài gỗ theo thế mạnh của từng địa phương, xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung cây lâm sản ngoài gỗ gắn với phát triển công nghiệp chế biến.

b) Hỗ trợ phát triển mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng gắn với bảo vệ phát triển rừng, tạo những sản phẩm đặc trưng cho từng vùng và phù hợp với nhu cầu thị trường tiêu thụ.

4. Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản: Hỗ trợ đầu tư, phát triển công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản theo cơ chế, chính sách về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư và quy định của pháp luật liên quan.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

⁴ Theo Kế hoạch số 4901/KH-UBND, ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận về thực hiện “Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050” trên địa bàn tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ”.

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách đầu tư hiện hành theo quy định của pháp luật.

b) Rà soát, đánh giá, đề nghị điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách hiện hành hoặc đề xuất xây dựng chính sách mới để thực hiện Chương trình; tổ chức theo dõi việc triển khai thực hiện pháp luật lĩnh vực lâm nghiệp.

2. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật

Tăng cường truyền thông về vai trò, giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, vai trò của rừng với giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ và lưu giữ các bon, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ quốc phòng và an ninh của rừng; nâng cao nhận thức về phát triển rừng bền vững, rừng trồng gỗ lớn có năng suất, chất lượng cao, sử dụng lâm sản có nguồn gốc hợp pháp; phổ biến pháp luật về lâm nghiệp cho người dân, nâng cao ý thức xã hội về quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng chống chặt, phá rừng trái pháp luật.

3. Quản lý quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp

a) Tiếp tục triển khai thực hiện Quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 3656/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; tích hợp nội dung quy hoạch Lâm nghiệp vào Quy hoạch cấp tỉnh, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và chiến lược phát triển lâm nghiệp, chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học; bảo đảm quản lý rừng bền vững; khai thác, sử dụng rừng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao giá trị kinh tế của rừng và giá trị văn hóa, lịch sử; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế của người dân.

b) Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, không chuyển diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng ven biển có nguồn gốc đầu tư từ ngân sách Nhà nước sang mục đích sử dụng khác; xử lý kiên quyết các vi phạm pháp luật về mua, bán, chuyển nhượng rừng và đất lâm nghiệp trái quy định pháp luật.

c) Tiếp tục giao rừng, cho thuê rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và các thành phần kinh tế theo quy định của pháp luật để đảm bảo diện tích rừng đều có chủ rừng thực sự, đồng thời nâng cao hiệu quả trong quản lý rừng, phát triển rừng.

d) Khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết hợp tác trong trồng rừng, phát triển rừng, hình thành các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản.

4. Kiện toàn, đổi mới tổ chức sản xuất

a) Tiếp tục thực hiện sắp xếp đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động

của các công ty lâm nghiệp nhà nước; khuyến khích hình thành các công ty cổ phần, và các hình thức liên kết hợp tác giữa các chủ rừng trong phát triển rừng sản xuất để hình thành vùng nguyên liệu tập trung phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; triển khai thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành lâm nghiệp.

b) Tổ chức sản xuất theo liên kết chuỗi, từ trồng rừng, khai thác rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực cạnh tranh; khuyến khích hình thành các doanh nghiệp lớn, có uy tín, có thương hiệu trong sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản gắn với vùng nguyên liệu.

c) Khuyến khích hình thành các hiệp hội hỗ trợ phát triển rừng sản xuất, các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ...; nâng cao năng lực cho chủ rừng, doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất.

d) Tiếp tục nghiên cứu, phát triển và nhân rộng mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng tạo điều kiện thuận lợi để người dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập; khai thác và tận dụng lợi thế nền lâm nghiệp nhiệt đới, xây dựng và phát triển các vùng sản xuất quy mô lớn và các loại hình du lịch sinh thái bền vững gắn với bảo vệ, phát triển rừng.

5. Khoa học, công nghệ và khuyến lâm

a) Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu chọn tạo giống cây rừng bản địa đưa vào trồng rừng; kỹ thuật thâm canh rừng và trồng rừng gỗ lớn; ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong các khâu trồng rừng, khai thác, chế biến gỗ và lâm sản để nâng cao năng suất, chất lượng; công tác bảo tồn đa dạng sinh học, khai thác hiệu quả lợi ích từ nguồn gen. Kết hợp nghiên cứu với đào tạo, chuyển giao công nghệ và hoạt động khuyến lâm. Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng sản xuất; quản lý nguyên liệu và sản xuất sản phẩm lâm sản từ gỗ rừng trồng.

b) Đầu tư tăng cường năng lực quản lý, điều phối, giám sát ngành lâm nghiệp. Duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về theo dõi, giám sát đánh giá Chương trình gắn với công tác thống kê ngành lâm nghiệp; phối hợp tổ chức thực hiện hiệu quả điều tra, đánh giá tài nguyên rừng; tăng cường năng lực báo cáo, đảm bảo thông suốt, kịp thời, hiệu quả, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. Đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành. Thực hiện chuyển đổi số và sử dụng trí tuệ nhân tạo trong theo dõi, giám sát, quản lý tài nguyên rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

6. Phát triển nguồn nhân lực

Khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp và các tổ chức đào tạo thực hiện hợp tác trong đào tạo, nâng cao kỹ năng cho lao động của

doanh nghiệp. Mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ, chuyển giao kỹ thuật và quy trình sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường.

7. Hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại

a) Tranh thủ nguồn vốn của các chương trình, dự án để phát triển lâm nghiệp; trong đó, ưu tiên các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển rừng ven biển gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ, lưu giữ các-bon từ rừng, dịch vụ môi trường rừng; các chương trình, dự án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong ngành lâm nghiệp.

b) Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong tiêu thụ và thương mại lâm sản; đảm bảo hài hòa lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng; tạo động lực thị trường, thúc đẩy sản xuất lâm nghiệp phát triển.

8. Huy động các nguồn vốn

Thực hiện đa dạng nguồn vốn để thực hiện Chương trình, tăng cường huy động vốn từ các nguồn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng, để thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi Chương trình, đảm bảo không trùng lặp với các Chương trình khác. Việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn vốn để triển khai các nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Lồng ghép, phối hợp với các Chương trình, đề án khác

a) Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình với các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình liên quan đến công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn nhằm huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện hiệu quả Chương trình.

b) Phối hợp triển khai hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 theo Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch 4901/KH-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 và các Chương trình, đề án trong lĩnh vực lâm nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đang trong quá trình thực hiện.

10. Quản lý, điều hành thực hiện Chương trình

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp

bền vững tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2025, Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 về thành lập Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2025, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm giúp Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Bình Thuận tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 tại địa phương theo quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

b) Phối hợp làm việc với Sở Nội vụ đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn Ban chỉ đạo, Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2025.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan điều hành, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối, bố trí nguồn vốn thực hiện Chương trình. Chủ trì xây dựng kế hoạch, nhu cầu vốn hàng năm và trung hạn gửi các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính để tổng hợp.

đ) Giám sát, đánh giá Chương trình và hướng dẫn các cơ quan thực hiện quy trình giám sát, đánh giá Chương trình.

e) Chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình; định kỳ báo cáo hằng năm (hoặc đột xuất), sơ kết giữa kỳ, tổng kết đánh giá 5 năm vào tháng 10 năm 2025 về kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí vốn cho các dự án đầu tư trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hạ tầng bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng phù hợp với khả năng cân đối vốn của ngân sách tỉnh.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán hàng năm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối trong kinh phí sự nghiệp hàng năm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện Chương trình phù hợp khả năng ngân sách theo quy định của pháp

luật về ngân sách Nhà nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo quản lý, sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất của các Chủ rừng theo đúng quy định của pháp luật về đất đai; trong đó lưu ý giải pháp quản lý, sử dụng đối với diện tích đất thuộc các khu vực phòng hộ, đầu nguồn, nơi có nguy cơ sạt lở và đất đồi núi chưa sử dụng cho phù hợp với kế hoạch trồng và phục hồi rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện thủ tục giao, cho thuê đất gắn với giao, cho thuê rừng theo quy định hiện hành.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lâm nghiệp như: Chọn, nhân giống cây lâm nghiệp; ứng dụng công nghệ viễn thám vào trong điều tra theo dõi quản lý rừng; ứng dụng công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới trong lĩnh vực chế biến và bảo quản lâm sản;... đồng thời, tăng cường phổ biến kết quả nghiên cứu ứng dụng tới các tầng lớp nhân dân để các tập thể, cá nhân chủ động ứng dụng vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ, nhằm thúc đẩy phát triển lâm nghiệp bền vững.

Rà soát xem xét nguồn tài chính từ Quỹ phát triển khoa học công nghệ quốc gia như tài trợ, cho vay,... thuộc nhiệm vụ khoa học công nghệ có liên quan đến phát triển lâm nghiệp bền vững để hướng dẫn, khuyến khích xây dựng những đề tài, dự án góp phần nhân rộng các giải pháp để phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo bền vững.

6. Ban Dân tộc

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổ chức triển khai có hiệu quả các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình ở địa phương; xây dựng kế hoạch, nhu cầu vốn hằng năm và trung hạn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

b) Bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp

pháp khác để thực hiện Chương trình trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

c) Chỉ đạo lồng ghép việc thực hiện Chương trình và các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo thống nhất, hiệu quả.

d) Tổ chức triển khai, quản lý, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc địa phương quản lý; tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình; định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình và tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình ở địa phương.

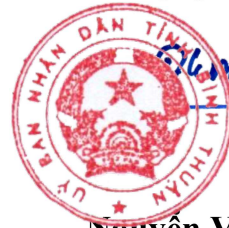
(Đính kèm phụ lục)

Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh kịp thời cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Các đơn vị tại mục V Kế hoạch;
- Lưu: VT, KT, Văn.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phong

**ỦY BAN NHÂN NHÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 3762 KH-UBND ngày 07 /11 /2022 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm
1	2	3	4	5	6
I	KIỆN TOÀN BAN CHỈ ĐẠO, VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ ĐẠO				
1	Kiện toàn Ban chỉ đạo, Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nội vụ <i>(trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT)</i>	Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị liên quan	Tháng 11/2022	Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo, Văn phòng thường trực BCĐ Chương trình PTLNBV
2	Ban hành quy chế làm việc Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị liên quan	Tháng 12/2022	Quyết định Ban hành quy chế làm việc
II	BAN HÀNH CƠ CHẾ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH				
1	Ban hành văn bản hướng dẫn địa phương thực hiện Chương trình	Sở Nông nghiệp và PTNT	Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị liên	Tháng 11/2022	Văn bản hướng dẫn

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm
1	2	3	4	5	6
			quan		
III	TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG				
1	Tổng hợp kế hoạch phân bổ kinh phí sự nghiệp gửi Sở Tài chính tổng hợp cân đối, bố trí vốn địa phương cho các đơn vị chủ rừng thực hiện Chương trình	Sở Nông nghiệp và PTNT	Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị liên quan	Hàng năm	Văn bản, kế hoạch phân bổ kinh phí
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị liên quan	Hàng năm	Kế hoạch thực hiện Chương trình
3	Phê duyệt, triển khai các công trình lâm sinh do Sở Nông nghiệp và PTNT làm chủ đầu tư	Sở Nông nghiệp và PTNT	Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị liên quan	Hàng năm	Quyết định phê duyệt
4	Cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện Chương trình	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính	Hàng năm	Quyết định phân khai vốn
5	Cân đối bố trí vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật liên quan	Sở Tài Chính	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm	Quyết định phân khai vốn
6	Triển khai các nhiệm vụ giải pháp thực hiện Chương trình	Sở Nông nghiệp và PTNT	Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị liên quan	Hàng năm	
a	Triển khai thực hiện Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Các hoạt động tổ chức triển khai, văn bản hướng dẫn
b	Triển khai các hoạt động khoa học công nghệ và	Sở Nông nghiệp	Sở Khoa học Công	Thường xuyên	Các hoạt động tổ chức triển

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/sản phẩm
1	2	3	4	5	6
	khuyến lâm; xây dựng, triển khai các đề tài, nguyên cứu giống cây bản địa và lâm sản ngoài gỗ	và PTNT	nghệ và môi trường và các đơn vị liên quan		khai, các đề tài, văn bản hướng dẫn
c	Phát triển nguồn nhân lực	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Các hoạt động đào tạo tập huấn
d	Huy động các nguồn vốn, thực hiện đa dạng các nguồn vốn thực hiện Chương trình	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Các hoạt động Chương trình, Dự án, văn bản
IV	KIỂM TRA GIÁM SÁT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH				
1	Kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Các cuộc kiểm tra, đôn đốc
2	Tổng hợp, định kỳ báo cáo tình hình thực hiện Chương trình; sơ kết giữa kỳ, tổng kết về kết quả thực hiện Chương trình.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Văn bản, báo cáo, hội nghị sơ kết, tổng kết